

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HS-PT
Ngày 08 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Các Thẩm phán

: Ông **Nguyễn Tuấn Long**

: Ông **Trần Văn Đông**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Bai** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 22/2019/TLPT-HS ngày 18 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Mai Lê Phi H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 228/2018/HS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Minh H**, sinh năm 1974, tại thành phố R; nơi cư trú: đường E, phường I, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê N và bà Đặng Thị V (đều đã chết); có vợ là Trần Thị N, sinh năm 1985 và hai con sinh năm 2014 và 2016; tiền án: bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 137/2015/HSPT ngày 23/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa); chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2016; tiền sự: Không; nhân thân: bị xử phạt 02 năm tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” (theo Bản án số 21/2003/HSST ngày 24/02/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa), 02 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản (Bản án số 125/2008/HSST ngày 28/5/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang); ngày 20/10/1998 bị Công an phường Phước Hải xử phạt cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; ngày 15/3/2000 bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm chữa bệnh bắt buộc; ngày 06/9/2002 bị Công an phường Phước Tân xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giam ngày 05/02/2018; thay thế biện pháp ngăn chặn (cấm đi khỏi nơi cư trú) ngày 26/6/2018; bị cáo tại ngoại: có mặt.

2. **Mai Lê Phi H**, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1990, tại thành phố R; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường E, phường I, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa;

chỗ ở hiện nay: đường E, phường I, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Thăng L (đã chết) và bà Lê Thị A, sinh năm 1962; có vợ là Lê Trần Thị Minh K, sinh năm 1991 và một con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: bị xử phạt hành chính (5.500.000đ) trong lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội (theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPHC ngày 14/3/2012 của Công an thành phố Nha Trang); bị bắt tạm giam ngày 05/02/2018; thay thế biện pháp ngăn chặn (cấm đi khỏi nơi cư trú) ngày 27/4/2018; bị cáo tại ngoại: có mặt.

3. **Trần Minh Đ**, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1988, tại thành phố R; nơi cư trú: đường O, phường Q, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tấn S (đã chết) và bà Phạm Thị Ngọc G, sinh năm 1954; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: bị xử phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (theo Bản án số 193/2007/HSPT ngày 11/9/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa) và 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (theo Bản án số 71/2009/HSST ngày 27/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang); tháng 9/2005 bị Công an phường Ngọc Hiệp xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau gây rối trật tự công cộng; bị bắt tạm giam ngày 05/02/2018; thay thế biện pháp ngăn chặn (cấm đi khỏi nơi cư trú) ngày 26/6/2018; bị cáo tại ngoại: có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 21 tháng 01 năm 2018, Lê Minh T cùng vợ là Lê Thị Mỹ Y đến quán cà phê của gia đình Trần Thị Tuyết M để đòi nợ nhưng không gặp M. T gọi điện cho cha M là ông Trần Kim P báo M còn nợ số tiền 4.000.000đ, ông P hẹn đến ngày 23/01/2018 sẽ trả. T điện cho M dọa sẽ phá quán nếu M không chịu trả tiền.

Khoảng 12 giờ ngày 22 tháng 01 năm 2018, Trần Quốc C (anh của M) cùng Trần Minh Đ (bạn trai của M) đến nhà T gây gổ về việc T đến gây rối tại quán của gia đình C trước đó và dọa sẽ chém, giết T cùng gia đình.

Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 23 tháng 01 năm 2018, T đang ngồi uống cà phê trước nhà thì bị 02 đối tượng là nam thanh niên bắn trúng mặt và vùng bụng bị tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 02%.

Khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, nghe thông tin gia đình T sẽ đến trả thù, M gọi điện cho Đ đến hỗ trợ. Đ cùng M, Lê Thị Trúc V (vợ của C) ra đường rầy xe lửa lấy đá về chuẩn bị sẵn để ném lại khi nhóm của T đến. Khi Đ chở M cùng xô đá về đến nhà ở (tại đường A1, phường X) thì có hai đối tượng điều khiển xe máy áp sát, một đối tượng dùng dao xông vào đâm Đ, Đ bỏ chạy thì đối tượng này dùng dao đâm M bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 8%.

Sau khi bỏ chạy, Đ lấy 01 xô nhựa chạy lại để đánh trả thì thấy có nhiều người cầm hung khí nên tiếp tục bỏ chạy. Trong lúc bỏ chạy, Đ quăng xô nhựa

vào đối tượng đã đâm M và chạy lên tầng 1 nhà M dùng đá ném lại. Cùng lúc này, Nguyễn Việt N từ trước nhà M đi ra thì bị Mai Lê Phi H (cháu của T) cầm mã tấu, Lê Minh H (em ruột của T) cầm dao cùng một số đối tượng khác đuổi theo, N bị chém tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 29%. Trong lúc các bên rượt đuổi đánh nhau đã gây ồn ào, mất trật tự, ách tắc giao thông trong khoảng thời gian từ 16 giờ 10 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 23 tháng 01 năm 2018, ngoài ra còn có Lê Công B bị thương tích do bị bắn bằng súng bắn bi.

Tại bản án sơ thẩm số 228/2018/HS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Lê Minh H, Trần Minh Đ, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Lê Minh H, Mai Lê Phi H, xử phạt Lê Minh H 02 năm 06 tháng tù, Trần Minh Đ 02 năm 03 tháng tù, Mai Lê Phi H 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Việc N, M, T bị gây thương tích được các cơ quan tố tụng thành phố Nha Trang tách thành vụ án khác để điều tra, xử lý.

Ngày 09 và 10 tháng 10 năm 2018, các bị cáo Lê Minh Đức, Lê Minh H, Mai Lê Phi H lần lượt có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo cho là bản án sơ thẩm kết tội các bị cáo đúng nhưng kháng cáo xin giảm hình phạt.

Bị cáo Lê Minh H và bị cáo Mai Lê Phi H cho là: Do bức xúc việc Lê Minh T (là người thân của các bị cáo) bị gây thương tích nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như diễn biến nêu trên.

Bị cáo Trần Minh Đ khai: Do bị nhóm thanh niên kéo đến dùng dao, mã tấu đe dọa nên bị cáo bỏ chạy và có dùng đá ném lại. Gia đình bị cáo có ông Nguyễn D là liệt sĩ nên bị cáo xin được xem xét giảm hình phạt.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mai Lê Phi H và căn cứ vào vai trò của bị cáo Trần Minh Đ trong vụ án để xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo Trần Minh Đ và Mai Lê Phi H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của Lê Minh H, Mai Lê Phi H (cầm dao, mã tấu cùng một số đối tượng khác rượt đuổi đánh nhau và hành vi của Trần Minh Đ dùng đá ném lại nhóm người đuổi đánh mình đã gây ồn ào, mất trật tự, ách tắc giao thông. Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” trong trường hợp có dùng hung khí theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo Trần Minh Đ, Lê Minh H đã thấy được tội lỗi của mình và thành khẩn khai báo nên bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Các bị cáo Lê Minh H, Mai Lê Phi H có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, phạm tội do bức xúc về việc người thân của mình là Lê Minh T bị gây thương tích nên bản án sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với các bị cáo là phù hợp.

[3] Bị cáo Lê Minh H phạm tội khi đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích nên bản án sơ thẩm áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự về tình tiết “tái phạm” với bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác là phù hợp; Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên với bị cáo Lê Minh H là thỏa đáng nên kháng cáo của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận; Bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4] Bị cáo Mai Lê Phi H chưa có tiền án, tiền sự nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không thành khẩn khai báo nên mức án bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thấy được tội lỗi của mình và thành khẩn khai báo nên cấp phúc thẩm áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Tài liệu do bị cáo Trần Minh Đ giao nộp không đủ cơ sở xác định liệt sĩ Nguyễn D có quan hệ huyết thống với bị cáo nên không có căn cứ xác định gia đình bị cáo có công với cách mạng. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội do bị kích động bởi hành vi trái pháp luật của nhóm người dùng hung khí tấn công bị cáo nên việc áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với bị cáo và xử phạt bị cáo bằng mức hình phạt với bị cáo Mai Lê Phi H là phù hợp, kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.1. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh H và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 318, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Lê Minh H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án; Thời hạn tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 26/6/2018 được trừ vào thời hạn thi hành hình phạt tù.

1.2. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự,

Sửa một phần bản án sơ thẩm,

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 318, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: - Mai Lê Phi H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, thời hạn tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 27/4/2018 được trừ vào thời hạn thi hành hình phạt tù.

- Trần Minh Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, thời hạn tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 26/6/2018 được trừ vào thời hạn thi hành hình phạt tù.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Lê Minh H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Trần Minh Đ và Mai Lê Phi H không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an TP. Nha Trang;
- VKSND TP. Nha Trang;
- TAND TP. Nha Trang;
- Chi cục THA DS TP. Nha Trang;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nghĩa

